

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027
(Tuần 5 - Từ ngày 28 tháng 9 đến 04 tháng 10 năm 2026)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần												
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN											
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học			Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi							
1	DH	18	20261AT6024002	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	25							1,2,3,4,5,6	416-A10	4/10															Lê Đình Đạt	KCKDL					
2	DH	18	20261AT6024001	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	416-A10	4/10																Lê Đình Đạt	KCKDL				
3	DH	18	20261AT6078002	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	25				1,2,3,4,5,6	416-A10	4/10																				Lê Đình Đạt	KCKDL			
4	DH	18	20261AT6078001	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	25				7,8,9,10,11,12	416-A10	4/10																				Lê Đình Đạt	KCKDL			
5	DH	19	20261AT6023001	Mô hình hóa và mô phỏng động cơ	CL	21				1,2,3,4,5,6	501-A10	4/10																				Nguyễn Phi Trường	KCKDL			
6	DH	19	20261AT6023002	Mô hình hóa và mô phỏng động cơ	CL	21				7,8,9,10,11,12	516-A10	4/10																				Nguyễn Phi Trường	KCKDL			
7	DH-KS	4	20261ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	1	21										13,14,15,16,17	101-A10	4/5														Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK			
8	DH-KS	4	20261ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	2	21										13,14,15,16,17	101-A10	4/5														Nguyễn Thành Công	Khoa CNCK			
9	DH-KS	4	20261ME6175001	Gia công cắt gọt cao tốc	1	24													13,14,15,16,17	110-A9	4/5											Nguyễn Duy Khánh	Khoa CNCK			
10	DH-KS	4	20261ME6172001	Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và tích hợp CIM	1	20																13,14,15,16,17	503-A10	4/5								Nguyễn Văn Cảnh	Khoa CNCK			
11	DH	18	20261AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25										7,8,9,10,11,12	408-A10	4/15														Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX			
12	DH	18	20261AT6052010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25										1,2,3,4,5,6	408-A10	4/15														Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX			
13	DH	18	20261AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25													7,8,9,10,11,12	408-A10	4/15											Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX			
14	DH	18	20261AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	404-A10	4/15																					Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX		
15	DH	18	20261AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25							7,8,9,10,11,12	408-A10	4/15																		Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX		
16	DH	18	20261AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25	13,14,15,16,17	404-A10	4/15																								Bùi Văn Hải	TT. TH & DL CX		
17	DH	18	20261AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25				13,14,15,16,17	404-A10	4/15																					Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX		
18	DH	18	20261AT6052015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25													13,14,15,16,17	408-A10	4/15												Nguyễn Thế Anh	TT. TH & DL CX		
19	DH	18	20261AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25																13,14,15,16,17	408-A10	4/15								Phạm Việt Thành	TT. TH & DL CX			
20	DH	18	20261AT6052016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25																	1,2,3,4,5,6	409-A10	1/4							Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX			
21	DH	18	20261AT6052_TA001	Automotive Diagnostic and Repair	1	25										1,2,3,4,5,6	404-A10	4/15															Nguyễn Xuân Khoa	TT. TH & DL CX		
22	DH	18	20261AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	418-A10	4/15																					Nguyễn Trung Kiên	TT. TH & DL CX		
23	DH	18	20261AT6057008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25							7,8,9,10,11,12	403-A10	4/15																			Lê Hữu Chí	TT. TH & DL CX	
24	DH	18	20261AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25								1,2,3,4,5,6	403-A10	4/15																		Lê Hữu Chí	TT. TH & DL CX	
25	DH	18	20261AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	403-A10	4/15																						Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX	
26	DH	18	20261AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25	1,2,3,4,5,6	418-A10	4/15																									Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX	
27	DH	18	20261AT6057006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				1,2,3,4,5,6	403-A10	4/15																							Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
28	DH	18	20261AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25								1,2,3,4,5,6	418-A10	4/15																		Nguyễn Huy Chiến	TT. TH & DL CX	
29	DH	18	20261AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25										7,8,9,10,11,12	419-A10	4/15																Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX	
30	DH	18	20261AT6057014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	27													7,8,9,10,11,12	403-A10	4/15													Nguyễn Thành Bắc	TT. TH & DL CX	
31	DH	18	20261AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25																7,8,9,10,11,12	403-A10	4/15									Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX		
32	DH	18	20261AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				13,14,15,16,17	419-A10	4/15																						Bùi Văn Chính	TT. TH & DL CX	
33	DH	18	20261AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25										13,14,15,16,17	419-A10	4/15																Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX	
34	DH	18	20261AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25													13,14,15,16,17	418-A10	4/15														Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
35	DH	18	20261AT6057_TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	1	28													1,2,3,4,5,6	418-A10	4/15														Lê Hữu Chí	TT. TH & DL CX
36	DH	18	20261AT6079001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	1	25													7,8,9,10,11,12	419-A10	4/10														Lê Hữu Chí	TT. TH & DL CX
37	DH	18	20261AT6079002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	1	25													7,8,9,10,11,12	418-A10	4/10														Bùi Văn Chính	TT. TH & DL CX
38	DH	18	20261AT6097001	Kĩ thuật chẩn đoán và sửa chữa động cơ	1	21	7,8,9,10	412-A10	4/15																									Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX	
39	DH	18	20261AT6097001	Kĩ thuật chẩn đoán và sửa chữa động cơ	2	21				13,14,15,16	413-A10	4/15																							Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
40	DH	19	20261AT6043001	Kết cấu ô tô	1	22	1,2,3,4,5,6	408-A09	4/15																										Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
41	DH	19	20261AT6043002	Kết cấu ô tô	1	22	7,8,9,10,11,12	408-A09	4/15																										Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
42	DH	19	20261AT6043003	Kết cấu ô tô	1	22	13,14,15,16,17	408-A09	4/15																										Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
43	DH	19	20261AT6043004	Kết cấu ô tô	1	22				1,2,3,4,5,6	408-A10	4/15																							Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
44	DH	19	20261AT6043005	Kết cấu ô tô	1	22				7,8,9,10,11,12	408-A10	4/15																							Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
45	DH	19	20261AT6043007	Kết cấu ô tô	1	22								1,2,3,4,5,6	409-A10	4/15																			Nguyễn Tuấn Nghĩa	TT. TH & DL CX
46	DH	19	20261AT6043008	Kết cấu ô tô	1	22								7,8,9,10,11,12	409-A10	4																				

[illegible]